

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
1. Báo cáo của Ban Giám đốc	1 – 4
2. Báo cáo kiểm toán	5 – 6
3. Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất	7 – 8
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	9
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 – 11
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	12 – 29

Các xí nghiệp của Công ty:

- Xí nghiệp Đầu tư - Xây dựng Hà Nội số 1
- Xí nghiệp Đầu tư - Xây dựng Hà Nội số 3
- Xí nghiệp Đầu tư - Xây dựng Hà Nội số 5
- Xí nghiệp Đầu tư - Xây dựng Hà Nội số 8
- Xí nghiệp Tư vấn và Thiết kế Hà Nội
- Xí nghiệp Đầu tư - Xây dựng Hà Nội số 17
- Xí nghiệp Đầu tư - Xây dựng Hà Nội số 19
- Xí nghiệp Đầu tư - Xây dựng và Thương mại Hà Nội
- Xí nghiệp Vật liệu và Xây dựng Hà Nội

Hội đồng quản trị và Ban giám đốc tại ngày lập báo cáo

Các thành viên của Hội đồng quản trị bao gồm:

Ông Phạm Xuân Đức	Chủ tịch HĐQT	Bầu ngày 18/7/2006
Ông Trần Trọng Bình	Ủy viên HĐQT	Bầu ngày 18/7/2006
Ông Nguyễn Việt Trường	Ủy viên HĐQT	Bầu ngày 18/7/2006
Bà Nguyễn Thủy Dương	Ủy viên HĐQT	Bầu ngày 18/7/2006
Ông Tạ Xuân Sơn	Ủy viên HĐQT	Bầu ngày 18/7/2006

Các thành viên của Ban Giám đốc bao gồm:

Ông Phạm Xuân Đức	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 18/7/2006
Ông Trần Trọng Bình	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 18/7/2006
Ông Nguyễn Việt Trường	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 18/7/2006
Bà Nguyễn Thủy Dương	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 16/8/2007

Các sự kiện quan trọng phát sinh trong năm và sau ngày kết thúc năm tài chính ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

- Theo Hợp đồng số 35/2006/HĐCN – CT, Công ty sẽ chuyển nhượng nguyên trạng toàn bộ tài sản, công nghệ chiết nạp gas và thương hiệu “Hà Nội gas” tại chi nhánh Vĩnh Phúc thuộc Công ty cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển năng lượng Hà Nội (do ông Nguyễn Đình Định vừa làm Tổng Giám đốc vừa là Giám đốc Chi nhánh Vĩnh Phúc), giá trị chuyển nhượng là 17.544.719.771 đồng. Theo đó, Chi nhánh của Công ty tại Vĩnh Phúc phải bàn giao lại toàn bộ tài sản cho Công ty để Công ty làm thủ tục bàn giao cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển năng lượng Hà Nội. Tuy nhiên đến nay dù Chi nhánh đã chấm dứt hoạt động nhưng Ông Nguyễn Đình Định nguyên Giám đốc chi nhánh Công ty tại Vĩnh Phúc vẫn chưa thực hiện thủ tục bàn giao tài sản nên Công ty không bàn giao được cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển năng lượng Hà Nội. Vì vậy trên khoản mục chi phí Trả trước dài hạn Công ty không thực hiện phân bổ các khoản chi phí trả trước dài hạn của chi nhánh Vĩnh Phúc số tiền 21.594.749.198 đồng vào chi phí để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.
- Trong năm tài chính 2010, Công ty tạm kết chuyển giá vốn bằng doanh thu của một số công trình không thực hiện theo hình thức khoán chờ quyết toán công trình mới xác định lãi lỗ. Cụ thể như sau:
 - + Công trình Nâng cấp quốc lộ 32 doanh thu và giá vốn trong kỳ là: 6.769.081.818 đồng.
 - + Công trình xây dựng nhà vườn dự án Trung Văn doanh thu và giá vốn trong kỳ là: 1.096.255.478 đồng.
 - + Công trình xây dựng nhà BT2 dự án Trung Văn doanh thu và giá vốn trong kỳ là: 624.938.182 đồng.
 - + Công trình Trường dạy nghề Bình Thuận doanh thu và giá vốn trong kỳ là: 1.466.198.009 đồng.
- Dự án Xây dựng nhà ở thí điểm phục vụ công nhân tại xã Kim Chung, huyện Đông Anh là dự án thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước theo Quyết định số 103/QĐUBND ngày 01/10/2007 do UBND thành phố Hà Nội giao cho Công ty trực tiếp quản lý dự án sau đó bàn giao lại cho thành phố nên Công ty hạch toán doanh thu và giá vốn trong kỳ bằng nhau số tiền là: 28.779.972.588 đồng

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Thăng Long – T.D.K là Công ty kiểm toán có đủ năng lực được lựa chọn. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Thăng Long –T.D.K bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục kiểm toán báo cáo tài chính cho Công ty trong những năm tiếp theo.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hà Nội và các công ty con trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.
- Kể từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2010

TM. Ban Giám Đốc

Tổng Giám đốc

PHẠM XUÂN ĐỨC

Số:/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2010

của Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng Hà Nội

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng Hà Nội

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng Hà Nội và các Công ty con được lập ngày 31 tháng 03 năm 2011 gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 được trình bày từ trang 7 đến trang 29 kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng Hà Nội và các Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho

năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan

Hà Nội, ngày 05 tháng 04 năm 2011

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN

THĂNG LONG – T.D.K
Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên

TỪ QUỲNH HẠNH

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0313/KTV

LƯU ANH TUẤN

Chứng chỉ kiểm toán viên số 1026 /KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính:

VND

	Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
	1	2	3	4	5
A	Tài sản ngắn hạn	100		482.785.897.799	641.299.668.829
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		20.453.765.530	29.085.094.850
1	Tiền	111	V.01	15.453.765.530	29.085.094.850
2	Các khoản tương đương tiền	112	V.02	5.000.000.000	0
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		239.500.000.000	271.340.000.000
1	Đầu tư ngắn hạn	121	V.03	239.500.000.000	271.340.000.000
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		131.211.965.315	219.071.663.258
1	Phải thu khách hàng	131		102.357.157.948	170.624.845.714
2	Trả trước cho người bán	132		4.670.538.965	3.345.831.683
3	Phải thu nội bộ	133		20.503.407.408	34.825.807.428
5	Các khoản phải thu khác	138	V.04	3.680.860.994	10.275.178.433
IV	Hàng tồn kho	140		83.110.606.922	115.658.896.338
1	Hàng tồn kho	141	V.05	83.110.606.922	115.658.896.338
V	Tài sản ngắn hạn khác	150		8.509.560.032	6.144.014.383
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.06	293.582.215	350.776.454
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.971.161.276	5.326.561
3	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		77.349.986	0
4	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.07	6.167.466.555	5.787.911.368
B	Tài sản dài hạn	200		33.180.366.965	35.530.579.707
I	Các khoản phải thu dài hạn	210		645.488.932	1.461.846.232
1	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		0	816.357.300
4	Phải thu dài hạn khác	218	V.08	645.488.932	645.488.932
II	Tài sản cố định	220		7.692.569.411	9.221.991.120
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	7.406.386.247	9.002.697.252
	- Nguyên giá	222		16.189.252.458	15.880.999.835
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(8.782.866.211)	(6.878.302.583)
3	TSCĐ vô hình	227	V.10	20.533.328	27.859.304
	- Nguyên giá	228		217.704.867	217.704.867
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(197.171.539)	(189.845.563)

4	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	265.649.836	191.434.564
III	Bất động sản đầu tư	240		0	0
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.100.000.000	1.100.000.000
3	Đầu tư dài hạn khác	258	V.12	1.100.000.000	1.100.000.000
V	Lợi thế thương mại	260		0	0
IV	Tài sản dài hạn khác	270		23.742.308.622	23.746.742.355
1	Chi phí trả trước dài hạn	271	V.13	22.677.286.233	23.212.800.635
2	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272		1.065.022.389	533.941.720
	Tổng cộng tài sản	270		515.966.264.764	676.830.248.536

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính:

VND

	Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A	Nợ phải trả	300		417.752.963.177	570.695.239.517
I	Nợ ngắn hạn	310		417.545.279.859	570.517.191.331
1	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.14	3.484.845.000	4.349.777.284
2	Phải trả người bán	312		28.635.124.698	21.290.351.941
3	Người mua trả tiền trước	313		27.272.449.912	69.139.069.678
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.15	4.846.789.103	57.107.109.068
5	Phải trả người lao động	315		7.929.211.971	7.868.986.526
6	Chi phí phải trả	316	V.16	95.025.287.038	131.452.226.617
7	Phải trả nội bộ	317		48.252.731.094	45.157.299.593
9	Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	V.17	200.199.919.256	232.642.755.274
11	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.898.921.787	1.509.615.350
II	Nợ dài hạn	330		207.683.318	178.048.186
6	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		207.683.318	178.048.186
B	Nguồn vốn chủ sở hữu	400		98.213.301.587	106.135.009.019
I	Vốn chủ sở hữu	410	V.18	95.221.088.617	103.202.216.369
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		52.320.000.000	43.600.000.000

6	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		0	1.071.696
7	Quỹ đầu tư phát triển	417		12.289.787.474	15.220.076.377
8	Quỹ dự phòng tài chính	418		5.431.468.195	4.371.221.931
10	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		25.179.832.948	40.009.846.365
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		(13.716.625)	(9.790.625)
1	Nguồn kinh phí	432	V.19	(13.716.625)	(9.790.625)
C	Lợi ích của cổ đông thiểu số	500		3.005.929.595	2.942.583.275
	Tổng cộng nguồn vốn	540		515.966.264.764	676.830.248.536

Lập, ngày 31 tháng 03 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

LÊ LAN PHƯƠNG

NGUYỄN THỊ HỒNG HÀ

PHẠM XUÂN ĐỨC

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2010

VND

Đơn vị tính:

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.20	225.807.452.846	600.747.943.755
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		225.807.452.846	600.747.943.755
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.21	201.537.589.220	422.748.680.426
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		24.269.863.626	177.999.263.329
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.22	30.426.272.597	11.972.044.278
7. Chi phí tài chính	22	VI.23	60.664.026	202.235.280
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>60.664.026</i>	<i>202.235.280</i>
8. Chi phí bán hàng	24		0	0
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		17.724.076.304	12.354.676.233
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		36.911.395.893	177.414.396.094
11. Thu nhập khác	31	VI.24	5.021.499.847	131.389.753.112
12. Chi phí khác	32	VI.25	203.087.762	31.284.510.585
13. Lợi nhuận khác	40		4.818.412.085	100.105.242.527
14. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, LD	50		0	0
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	60		41.729.807.978	277.519.638.621
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	61	VI.26	6.348.492.707	44.760.265.443
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		VI.27	562.264.746	183.033.343
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70		35.943.580.017	232.942.406.521
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số			392.278.220	422.746.662
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	60		35.551.301.797	232.519.659.859
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		6.795	53.330

Lập, ngày 31 tháng 03 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

LÊ LAN PHƯƠNG

NGUYỄN THỊ HỒNG HÀ

PHẠM XUÂN ĐỨC

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2010

Đơn vị tính:

VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động SX-KD				
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	<i>1</i>		<i>43.465.260.965</i>	<i>279.494.736.510</i>
2. Điều chỉnh cho các khoản			(30.685.941.403)	(110.214.201.419)
- Khấu hao TSCĐ	2		1.911.889.604	1.751.178.536

- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5	(32.688.561.700)	(112.287.027.825)
- Chi phí lãi vay	6	90.730.693	321.647.870
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8	12.779.319.562	169.280.535.091
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9	80.013.928.375	29.609.778.165
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	31.820.376.762	139.185.215.729
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	(119.385.643.245)	(41.748.920.508)
- Tăng giảm chi phí trả trước	12	(59.401.546)	582.344.123
- Tiền lãi vay đã trả	13	(90.730.693)	(2.565.141.320)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(46.994.478.846)	(13.052.010.756)
- Tiền thu khác từ hoạt động sản xuất kinh doanh	15	47.001.008.808	71.552.573.731
- Tiền chi khác từ hoạt động sản xuất kinh doanh	16	(3.441.675.469)	17.693.094.156
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	20	1.642.703.708	370.537.468.411
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(382.467.895)	(1.414.587.600)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	2.010.615.976	1.012.696.417
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.521.500.000.000)	(1.152.938.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.553.340.000.000	884.086.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	0	(27.272.727)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	0	30.736.160.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được	27	30.742.300.71	12.268.703.41

chia			2	8
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		64.210.448.793	(226.276.300.492)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		0	270.000.000
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		23.002.845.000	23.308.010.752
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(10.867.777.284)	(52.932.207.959)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(86.619.549.537)	(120.722.397.677)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(74.484.481.821)	(150.076.594.884)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(8.631.329.320)	(5.815.426.965)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		29.085.094.850	34.899.450.119
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		0	1.071.696
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		20.453.765.530	29.085.094.850

Lập, ngày 31 tháng 03 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

LÊ LAN PHƯƠNG

NGUYỄN THỊ HỒNG HÀ

PHẠM XUÂN ĐỨC

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng Hà Nội (sau đây viết tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Đầu tư - Xây dựng Hà Nội thuộc Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội. Công ty Đầu tư - Xây dựng Hà Nội đã tiến hành việc chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước sang công ty cổ phần theo Quyết định số 2341/QĐ-UBND ngày 18/5/2006 của UBND thành phố Hà Nội và Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về việc chuyển Doanh nghiệp nhà nước thành Công ty cổ phần. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần lần đầu số 0103012585 ngày 05 tháng 6 năm 2006 và thay đổi lần thứ 4 số 0100050045 ngày 17 tháng 08

năm 2010. Công ty được Cục Thuế thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký thuế mã số 0100105045 ngày 24/7/2006.

Vốn điều lệ của Công ty mẹ là 52.320.000.000 đồng.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Xây lắp, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Lập và tổ chức thực hiện các dự án đầu tư xây dựng;
- Làm tư vấn cho các chủ đầu tư trong nước, nước ngoài về lĩnh vực lập và tổ chức thực hiện dự án, lĩnh vực đất đai xây dựng và giải phóng mặt bằng;
- Thi công, xây lắp điện bao gồm:
 - + Đường dây và trạm biến áp đến 110KV;
 - + Đường cáp ngầm có điện áp đến 110KV;
 - + Trạm biến áp có dung lượng đến 2500KVA;
 - + Tổ máy phát điện đến 2000KA, trạm thủy điện đến 10MW;
 - + Các công trình điện chiếu sáng, điện động lực phục vụ cho công nghiệp, dân dụng, thủy lợi;
- Thi công, xây lắp các công trình bao gồm:
 - + Công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, giao thông; công trình thể dục, thể thao, vui chơi giải trí và các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị;
 - + Xây dựng cầu, hầm, nút giao thông khác cốt công trình giao thông đường bộ;
 - + Xây lắp các trạm, bồn chứa, đường ống và thiết bị gas, xăng dầu;
 - + Nạo vét, đào kênh mương, sông, mở luồng cảng, sông -biển;
 - + Lặn khảo sát, thăm dò, hàn cắt kim loại dưới nước, cắt phá trực vớt phế thải lòng sông, biển;
- Tư vấn thiết kế:
 - + Thiết kế điện chiếu sáng đô thị và nông thôn, hệ thống đèn tín hiệu giao thông;
 - + Thiết kế cấp điện: đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
 - + Thiết kế cơ điện: đối với công trình xây dựng và công trình điện năng;
 - + Thiết kế công trình điện năng: đường dây và trạm biến áp;
 - + Thiết kế đường dây và trạm biến áp đến 35KV: đối với các công trình điện năng;
 - + Thiết kế điện sinh hoạt, điện xí nghiệp: đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, công trình cấp thoát nước;
 - + Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp;
 - + Thiết kế tổng mặt bằng, kiến trúc, nội ngoại thất: đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, công trình văn hoá;
-

4. Công ty con hợp nhất báo cáo tài chính

4.1. Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hà Nội – An Dương

4.2. Công ty TNHH một thành viên Bất động sản Hancic

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

- Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính, các thông tư về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quyết định ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Trên máy vi tính.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Cơ sở hợp nhất:

Các Công ty con:

Công ty con là đơn vị do Công ty mẹ kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một đơn vị để thu lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Các Báo cáo tài chính của Công ty con được hợp nhất trong các Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Các Công ty liên kết, liên doanh:

Các công ty liên kết là đơn vị mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Các công ty liên doanh là các đơn vị có hoạt động mà Công ty có quyền đồng kiểm soát, được thành lập theo các thỏa thuận hợp đồng và đòi hỏi sự nhất trí hoàn toàn về các hoạt động tài chính và kế hoạch chiến lược. Các Công ty liên kết liên doanh được hạch toán theo phương pháp giá gốc. Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần chi phí và thu nhập của Công ty trong các đơn vị nhận đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các giao dịch bị loại trừ khi hợp nhất

Các số dư nội bộ về công nợ phải thu, phải trả nội bộ; toàn bộ thu nhập, chi phí và các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại ra khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh, kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản được hạch toán ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Tại thời điểm cuối năm tài chính các khoản mục tiền, công nợ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên Ngân hàng do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ, công nợ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

3.1. Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Một số công trình không thực hiện theo hình thức khoán công ty tạm kết chuyển chi phí xác định giá vốn bằng doanh thu phát sinh trong kỳ chờ quyết toán công trình mới xác định lãi lỗ cụ thể như sau:

- + Công trình Nâng cấp quốc lộ 32 doanh thu và giá vốn trong kỳ là: 6.769.081.818 đồng.
- + Công trình nhà vườn dự án Trung Văn doanh thu và giá vốn trong kỳ là: 1.096.255.478 đồng.
- + Công trình nhà BT2 dự án Trung Văn doanh thu và giá vốn trong kỳ là: 624.938.182 đồng.
- + Công trình Trường dạy nghề Bình Thuận doanh thu và giá vốn trong kỳ là: 1.466.198.009 đồng.

- + Dự án Xây dựng nhà ở thí điểm phục vụ công nhân tại xã Kim Chung, huyện Đông Anh là dự án thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước theo Quyết định số 103/QĐUBND ngày 01/10/2007 do UBND thành phố Hà Nội giao cho Công ty trực tiếp quản lý dự án sau đó bàn giao lại cho thành phố nên Công ty hạch toán doanh thu và giá vốn trong kỳ bằng nhau số tiền là: 28.779.972.588 đồng.

3.2. Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho: Giá trị nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Chi phí dở dang cuối kỳ là toàn bộ chi phí phát sinh trong kỳ của từng công trình tại các xí nghiệp và chi nhánh của Công ty trừ đi phần chi phí dở dang đã kết chuyển xác định giá vốn của của các công trình. Chi phí dở dang cuối kỳ này được kiểm soát bởi Phòng quản lý kinh doanh dự án và Phòng quản lý xây lắp kiểm tra sao cho không vượt quá định mức khoán chi phí các công trình cho các xí nghiệp và chi nhánh của Công ty.

3.3. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

4.1. Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

Phải thu nội bộ bao gồm các khoản Công ty phải thu về các khoản tiền vay hộ cho các chi nhánh, xí nghiệp, đội sản xuất và các khoản phải thu khác.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

5.1. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

5.2. Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, vô hình: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được áp dụng theo Thông tư 203/2009/QĐ-BTC ngày 20/10/2009 ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 50 năm
- Máy móc thiết bị	10 – 15 năm
- Phương tiện vận tải	10 năm
- Thiết bị văn phòng	8 năm
- Các tài sản khác	3 năm

6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Các khoản lãi vay liên quan đến các xí nghiệp sẽ được ghi nhận vào chi phí của Xí nghiệp.

8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác:

Chi phí trả trước:

Chi phí trả trước ngắn hạn : Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Chi phí trả trước dài hạn : Là các khoản chi phí phát sinh trong kỳ kế toán nhưng được phân bổ cho nhiều kỳ kế toán bao gồm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn
- Chi phí chung chờ phân bổ vào các công trình của các xí nghiệp, chi nhánh.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Công ty đang thực hiện phân bổ chi phí trả trước dài hạn từ 2 đến 3 năm.

9. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là Nợ dài hạn.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả kỳ này, để đảm bảo khi chi trả thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh các kỳ sau trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí các tháng trong năm.

Hạch toán vào chi phí này là phần chênh lệch giữa giá trị các công trình tính doanh thu trong năm tài chính Công ty đã khoán cho các chi nhánh, xí nghiệp, các đội sản xuất và phần chi phí của các công trình này các chi nhánh, xí nghiệp, các đội sản xuất đã tập hợp được về Công ty cho đến ngày 31/12/2010.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

12. Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:

Lợi nhuận trích các quỹ theo điều lệ Công ty và quy định pháp lý hiện hành sau đó được phân chia cho các bên dựa trên tỷ lệ góp vốn.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

13.1 Doanh thu hợp đồng xây dựng: Phần công việc hoàn thành của hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định doanh thu được xác định căn cứ vào hồ sơ kết toán giai đoạn hoặc quyết toán của các công trình có chữ ký xác nhận của hai bên A - B hoặc hóa đơn tài chính đã phát hành.

13.2. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Đối với doanh thu bán nhà dự án được ghi nhận trên cơ sở thực thu tiền. Hóa đơn giá trị gia tăng chỉ được phát hành một lần sau khi đã hoàn thành thủ tục bán nhà.

13.3. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

13.4. Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí tài chính:

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.
- Các khoản trên được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính..

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp: là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí hợp đồng xây dựng

Chi phí của hợp đồng xây dựng gồm: Chi phí trực tiếp liên quan đến từng hợp đồng, chi phí chung được phân bổ cho các hợp đồng có liên quan và các chi phí khác có thể thu lại từ khách hàng theo các điều khoản của hợp đồng xây lắp.

Chi phí của hợp đồng xây dựng tại Công ty được phân bổ tương ứng với doanh thu được ghi nhận trong kỳ của các hợp đồng xây dựng và được tính nhất quán giữa các năm

Một số công trình không thực hiện theo hình thức khoán công ty tạm kết chuyển chi phí xác định giá vốn bằng doanh thu phát sinh trong kỳ chờ quyết toán công trình mới xác định lãi lỗ cụ thể như sau:

- + Công trình Nâng cấp quốc lộ 32 doanh thu và giá vốn trong kỳ là: 6.769.081.818 đồng.
- + Công trình nhà vườn dự án Trung Văn doanh thu và giá vốn trong kỳ là: 1.096.255.478 đồng.
- + Công trình nhà BT2 dự án Trung Văn doanh thu và giá vốn trong kỳ là: 624.938.182 đồng.
- + Công trình Trường dạy nghề Bình Thuận doanh thu và giá vốn trong kỳ là: 1.466.198.009 đồng.
- + Dự án Xây dựng nhà ở thí điểm phục vụ công nhân tại xã Kim Chung, huyện Đông Anh là dự án thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước theo Quyết định số 103/QĐUBND ngày 01/10/2007 do UBND thành phố Hà Nội giao cho Công ty trực tiếp quản lý dự án sau đó bàn giao lại cho thành phố nên Công ty hạch toán doanh thu và giá vốn trong kỳ bằng nhau số tiền là: 28.779.972.588 đồng.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và các loại thuế khác.

16.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN
- Không bù trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.
- Theo Thông tư số 128/2003/TT-BTC ngày 22/12/2003 Công ty mẹ được miễn thuế trong 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 2 năm tiếp theo. Năm 2010 là năm thứ 2 Công ty mẹ được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%.

16.2 Thuế giá trị gia tăng.

Thuế giá trị gia tăng phải nộp trong kỳ của hoạt động bán nhà dự án được kê khai và nộp trên cơ sở doanh thu được ghi nhận trong kỳ và phát hành hóa đơn giá trị gia tăng.

16.3 Các khoản thuế khác

- Các khoản thuế khác Công ty kê khai và nộp theo quy định hiện hành.

17. Các thông tin khác

Do Công ty thực hiện cơ chế khoán đối với các chi nhánh và các xí nghiệp, đội sản xuất nên công nợ phải thu khách hàng, phải thu về tiền vay hộ cho các chi nhánh, xí nghiệp, các đội sản xuất, các khoản tiền lãi vay của các khoản vay này và phải trả người cung cấp nguyên vật liệu và các chi phí đầu vào của các công trình được tập hợp và theo dõi qua công nợ phải thu phải trả nội bộ với các chi nhánh, các xí nghiệp và các đội sản xuất. Các chi nhánh, xí nghiệp và các đội sản xuất tập hợp chứng từ gốc có liên quan đến công nợ và phải chịu trách nhiệm tính chính xác, hợp lệ của các chứng từ này với Công ty.

18. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Cơ sở lập báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh. Báo cáo tài chính do Công ty lập không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán hay các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Các bên liên quan: Một bên được xem là bên liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng trọng yếu đến các quyết định tài chính và hoạt động của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

VND

Đơn vị tính:

1 Tiền

	<i>Cuối năm</i>	<i>Đầu năm</i>
Tiền mặt	13.074.167.044	9.261.397.264
Tiền gửi ngân hàng	2.379.598.486	19.823.697.586
Cộng	15.453.765.530	29.085.094.850

2 Các khoản tương đương tiền

	<i>Cuối năm</i>	<i>Đầu năm</i>
Tiền gửi có kỳ hạn (Ngân hàng ĐT&PT-Tây Hồ Tây)	5.000.000.000	
Cộng	5.000.000.000	-

3

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	<i>Cuối năm</i>		<i>Đầu năm</i>	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Tiền gửi có kỳ hạn		239.500.000.000		271.340.000.000

4 Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	<i>Cuối năm</i>	<i>Đầu năm</i>
Phải thu khác	3.680.860.994	10.275.178.433

	Cộng	3.680.860.994	10.275.178.433
5 Hàng tồn kho			
		<i>Cuối năm</i>	<i>Đầu năm</i>
- Nguyên liệu, vật liệu		238.833.535	238.833.535
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang		66.243.386.082	80.723.167.940
- Thành phẩm		2.528.296.709	2.528.296.709
- Hàng hoá bất động sản		14.100.090.596	32.168.598.154
Cộng giá gốc hàng tồn kho		83.110.606.922	115.658.896.338
6 Chi phí trả trước ngắn hạn			
		<i>Cuối năm</i>	<i>Đầu năm</i>
Chi phí của các chi nhánh		293.582.215	350.776.454
Cộng		293.582.215	350.776.454
7 Tài sản ngắn hạn khác			
		<i>Cuối năm</i>	<i>Đầu năm</i>
- Tạm ứng		6.167.466.555	5.787.911.368
Cộng		6.167.466.555	5.787.911.368
8 Phải thu dài hạn khác			
		<i>Cuối năm</i>	<i>Đầu năm</i>
Tài sản thiếu chờ xử lý		645.488.932	645.488.932
Cộng		645.488.932	645.488.932

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
Số dư đầu năm	9.416.863.385	729.153.636	4.653.161.356	1.081.821.458	15.880.999.835
- Mua trong năm	149.788.396	12.000.000	69.496.000	111.278.114	342.562.510
- Đầu tư XDCB hoàn thành					0
- Tăng khác					0
- Chuyển sang BĐS đầu tư					0
- Thanh lý, nhượng bán					0
- Giảm khác				(34.309.887)	(34.309.887)
Số dư cuối năm	9.566.651.781	741.153.636	4.722.657.356	1.158.789.685	16.189.252.458
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	4.189.655.597	160.371.120	1.771.946.581	756.329.285	6.878.302.583
- Khấu hao trong năm	866.840.869	77.960.414	813.781.238	145.981.107	1.904.563.628
- Tăng khác					0
- Chuyển sang BĐS đầu tư					0
- Thanh lý, nhượng bán					0
- Giảm khác					0
Số dư cuối năm	5.056.496.466	238.331.534	2.585.727.819	902.310.392	8.782.866.211
III. Giá trị					

còn lại của TSCĐ HH					
1. Tại ngày đầu năm	5.227.207.788	568.782.516	2.881.214.775	325.492.173	9.002.697.252
2. Tại ngày cuối năm	4.510.155.315	502.822.102	2.136.929.537	256.479.293	7.406.386.247

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Phần mềm quản lý	Cộng
I. Nguyên giá TSCĐ vô hình		
Số dư đầu năm	217.704.867	217.704.867
- Mua trong năm		
Số dư cuối năm	217.704.867	217.704.867
II. Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	189.845.563	189.845.563
- Khấu hao trong năm	7.325.976	7.325.976
Số dư cuối năm	197.171.539	197.171.539
III. Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình		
1. Tại ngày đầu năm	27.859.304	27.859.304
2. Tại ngày cuối năm	20.533.328	20.533.328

11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<i>Cuối năm</i>	<i>Đầu năm</i>
Công trình cải tạo trụ sở văn phòng công ty	265.649.836	191.434.564
Cộng	265.649.836	191.434.564

12

Các khoản đầu tư dài hạn	Cuối năm		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
b - Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết:		1.100.000.000		1.100.000.000
Công ty CP Tư vấn KD - XD Hancic		200.000.000		200.000.000
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Điện Hà Nội 1		300.000.000		300.000.000
Công ty CP Xây dựng dân dụng và CN Hancic		300.000.000		300.000.000
Công ty Đầu tư phát triển đô thị Hà Nội		300.000.000		300.000.000

13 Chi phí trả trước dài hạn

	<i>Cuối năm</i>	<i>Đầu năm</i>
Chi phí chung phân bổ cho các công trình	718.051.461	889.080.290
Chi phí lợi thế doanh nghiệp	364.485.574	728.971.147
Chi phí vỏ bình gas chi nhánh Vĩnh Phúc	14.084.705.895	14.084.705.895
Chi phí hoạt động gas chi nhánh Vĩnh Phúc	7.510.043.303	7.510.043.303
Cộng	22.677.286.233	23.212.800.635

14 Vay và nợ ngắn hạn

	<i>Cuối năm</i>	<i>Đầu năm</i>
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Tây Hồ	3.484.845.000	4.349.777.284
Cộng	3.484.845.000	4.349.777.284

15 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<i>Cuối năm</i>	<i>Đầu năm</i>
- Thuế giá trị gia tăng	642.001.899	12.274.189.250
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.116.806.825	44.763.590.457
- Thuế thu nhập cá nhân	77.980.379	59.329.361
- Các loại thuế khác	10.000.000	10.000.000
Cộng	4.846.789.103	57.107.109.068

16 Chi phí phải trả

	<i>Cuối năm</i>	<i>Đầu năm</i>
Chi phí vật tư các công trình	95.025.287.038	131.452.226.617
Cộng	95.025.287.038	131.452.226.617

17 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<i>Cuối năm</i>	<i>Đầu năm</i>
- Doanh thu chưa thực hiện	151.573.130.154	152.089.561.548
- Kinh phí công đoàn	49.247.809	46.684.156
- Bảo hiểm xã hội	0	86.082.342
- Phải trả, phải nộp khác	48.577.541.293	80.539.996.107
<i>Các khoản phí đã thu của các khu chung cư</i>	<i>7.301.705.148</i>	<i>6.050.033.941</i>
<i>Lợi nhuận phải trả cho LDDA Ngọc Hà</i>	<i>1.638.534.067</i>	<i>1.638.534.067</i>
<i>Lợi nhuận phải trả cho dự án Lạc Trung</i>		<i>6.751.832.363</i>
<i>Các hợp đồng góp vốn</i>	<i>3.740.000.000</i>	<i>1.100.000.000</i>
<i>Tiền vay CT Bảo hiểm xã hội Hải Dương</i>		<i>800.000.000</i>

<i>Cổ tức phải trả</i>	141.900.000	46.894.716.258
<i>Tổng công ty</i>	15.000.000.000	
<i>Lợi nhuận trả Thành phố nhà CT1 dự án Trung Văn</i>	4.281.081.382	
<i>Phải trả các đối tượng khác</i>	16.474.320.696	17.304.879.478
Cộng	200.199.919.256	232.642.755.274

**18.
Vốn
chủ
sở
hữu**

18.1 Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	1	2	3	4	5	6
- Số dư đầu năm trước	21.800.000.000	0	381.369.003	2.180.000.000	(3.647.953.686)	20.713.415.317
- Tăng vốn trong năm trước	21.800.000.000					21.800.000.000
- Lãi tăng trong năm trước					232.519.659.859	232.519.659.859
- Tăng khác		1.071.696	36.648.739.578	2.201.254.135		38.851.065.409
- Giảm vốn trong năm trước						0

c							
- Lỗ trong năm trước							0
- Giảm khác			(21.810.032.204)	(10.032.204)	(188.861.859.808)	(210.681.924.216)	
- Số dư cuối năm trước	43.600.000.000	1.071.696	15.220.076.377	4.371.221.931	40.009.846.365	103.202.216.369	
- Số dư đầu năm nay	43.600.000.000	1.071.696	15.220.076.377	4.371.221.931	40.009.846.365	103.202.216.369	
- Tăng vốn năm nay	8.720.000.000						8.720.000.000
- Lãi tăng trong năm					35.551.301.797	35.551.301.797	
- Tăng khác		1.633.514	5.789.711.097	1.060.246.264		6.851.590.875	
- Giảm vốn trong năm nay							0
- Lỗ trong năm nay							0

- Giã m khác		(2.705.21 0)	(8.720.000.000)	0	(50.381.315.214)	(59.104.020.424)
Số dư cuối năm nay	52.320.000.0 00	0	12.289.787.47 4	5.431.468.1 95	25.179.832.948	95.221.088.617

18.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<i>Cuối năm</i>	<i>Đầu năm</i>
- Vốn góp của Nhà nước	15.698.400.000	13.082.000.000
- Vốn góp của các cổ đông khác	36.621.600.000	30.518.000.000
Cộng	52.320.000.000	43.600.000.000

18.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	52.320.000.000	43.600.000.000
+ Vốn góp đầu năm	43.600.000.000	21.800.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	8.720.000.000	21.800.000.000
+ Vốn góp giảm trong năm	0	0
+ Vốn góp cuối năm	52.320.000.000	43.600.000.000
Cộng	52.320.000.000	43.600.000.000

18.4. Cổ phiếu

	<i>Cuối năm</i>	<i>Đầu năm</i>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.232.000	4.360.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán cho công chúng		
+ Cổ phiếu phổ thông	5.232.000	4.360.000
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu phổ thông	5.232.000	4.360.000
+ Cổ phiếu ưu đãi		
Cộng	5.232.000	4.360.000

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/cổ phiếu

18.5. Các quỹ của doanh nghiệp

	<i>Cuối năm</i>	<i>Đầu năm</i>
- Quỹ đầu tư phát triển	12.289.787.474	15.220.076.377
- Quỹ dự phòng tài chính	5.431.468.195	4.371.221.931

19 Nguồn kinh phí

<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
----------------	------------------

- Nguồn kinh phí được cấp trong năm	3.396.304.755	17.993.715.405
- Chi sự nghiệp (*)	(3.400.230.755)	(18.109.480.405)
- Nguồn kinh phí còn lại cuối kỳ	(13.716.625)	(9.790.625)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

VND

Đơn vị tính:

20 Doanh thu

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Doanh thu xây lắp và kinh doanh bất động sản	214.497.554.082	326.536.689.720
Doanh thu chuyển quyền sử dụng đất	11.309.898.764	274.211.254.035
Cộng	225.807.452.846	600.747.943.755

21 Giá vốn hàng bán

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn hoạt động xây lắp và kinh doanh bất động sản	195.852.754.826	285.601.011.324
Giá vốn chuyển quyền sử dụng đất	4.529.836.045	137.147.669.102
Cộng	200.382.590.871	422.748.680.426

22 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền gửi ngân hàng	30.426.272.597	11.972.044.278
Cộng	30.426.272.597	11.972.044.278

23 Chi phí tài chính

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền vay	60.664.026	202.235.280
Cộng	60.664.026	202.235.280

24 Thu nhập khác

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi chuyển nhượng đất cho liên doanh Daewon phân bổ trong thời gian liên doanh nay thanh lý liên doanh	0	19.677.209.724
Thanh lý tài sản	0	1.381.090.909
Các khoản khấu hao và lãi vay các đội	1.265.109.570	
Tiền đặt cọc mua nhà nhưng không mua	0	20.000.000

Tiền phạt chấm dứt hợp đồng trước thời hạn	0	32.602.479
Tiền chuyển nhượng vốn góp LD là quyền sử dụng đất	0	110.218.000.000
Thu nhập theo biên bản thanh lý hợp đồng liên doanh	2.774.931.114	
Thu nhập khác	981.459.163	60.850.000
Cộng	5.021.499.847	131.389.753.112

25 Chi phí khác

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Phạt chậm nộp thuế	0	149.013.220
Giảm vốn góp liên doanh	0	30.736.160.000
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	0	391.384.492
Chi phí khác	87.372.966	7.952.873
Xử lý công nợ	115.714.796	
Cộng	203.087.762	31.284.510.585

26 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	6.348.492.707	44.760.265.443
Cộng	6.348.492.707	44.760.265.443

27 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh khi hợp nhất báo cáo tài chính do loại trừ lãi chưa thực hiện trong các giao dịch nội bộ	562.264.746	183.033.343
Cộng	562.264.746	183.033.343

VII. THÔNG TIN KHÁC

- Số liệu so sánh:** Số liệu so sánh trên báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31/12/2010 là số liệu tại ngày 31/12/2009 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hà Nội đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Thăng Long (nay là Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Thăng Long – T.D.K) kiểm toán. Một số chỉ tiêu trên báo cáo tài chính đã được phân loại lại theo Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính để so sánh với số liệu năm nay.

2. Thông tin về các bên liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
Công ty TNHH Bất động sản Hancic	Công ty con	Mua hàng hóa của Công ty mẹ	2.159.738.294 đồng
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hà Nội – An Dương	Công ty con	Bán hàng cho Công ty mẹ	30.776.108.702 đồng
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hà Nội – An Dương	Công ty con	Vay ngắn hạn	15.000.000.000 đồng

Cho đến ngày lập báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số tiền
-------------------	-------------	--------------------	---------

Công ty TNHH Bất động sản Hancic	Công ty con	Mua hàng hóa của Công ty mẹ	13.121.237.312 đồng
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hà Nội – An Dương	Công ty con	Bán hàng cho Công ty mẹ	11.261.389.213 đồng
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hà Nội – An Dương	Công ty con	Vay ngắn hạn	15.000.000.000 đồng

Lập, ngày 31 tháng 03 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

LÊ LAN PHƯƠNG

NGUYỄN THỊ HỒNG HÀ

PHẠM XUÂN ĐỨC